

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Thi và ông Trần Thành Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Thanh Đ, sinh năm 1987 tại huyện An Phú, tỉnh An Giang; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khóm Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh Bình và bà Lâm Thị Ngọc Hạnh; vợ là Nguyễn Thị Thu Tiên và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Thanh Bình, sinh năm 1965; cư trú: Khóm Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Kim Phấn, sinh ngày 1987; cư trú: Khóm Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3. Phạm Thanh Đăng, sinh năm 1983; cư trú: Khóm Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

4. Trần Thị Bé Tý, sinh năm 1982; cư trú: Khóm Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

5. Nguyễn Thị Thu Tiên, sinh năm 1990; cư trú: Khóm Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/4/2024, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Đội quản lý thị trường số 1 – phối hợp cùng Tổ Liên ngành 389 tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Tổ Liên ngành 389 tỉnh) tiến hành kiểm tra tại khu vực Quốc lộ 91C thuộc xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang phát hiện Phạm Thanh Đ đang điều khiển xe ô tô tải 51C- 230.46, trên xe có chở nhiều gói cà phê thành phẩm mang nhãn hiệu Phạm Phong Phú có nghi vấn về nhãn mác và chất lượng. Tại thời điểm kiểm tra, ông Đ không xuất trình được hoá đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hàng hoá nên yêu cầu ông Đ điều khiển xe quay về cơ sở sản xuất để tiếp tục kiểm tra, làm rõ.

Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 04/4/2024, Tổ Liên ngành 389 tỉnh tiến hành kiểm tra hộ kinh doanh Phong Phú của ông Phạm Thanh Đ số 5376 tổ 01, ấp Hà Bao 1, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Qua kiểm tra, phát hiện tại khu vực trưng bày cà phê bột thành phẩm 103 gói cà phê bột, loại 500 g/ gói. Các gói cà phê bột gồm 04 mẫu được ký hiệu là CF01, CF02, CF03, CF04 với thành phần, nhãn hàng hóa và thông tin khác nhau theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 04/4/2024, Tổ Liên ngành 389 tỉnh Liên ngành 389 tỉnh tiến hành phương tiện xe ô tô tải 51C-230.46 do Phạm Thanh Đ điều khiển. Qua khám phương tiện, trên xe có: 1.900 gói cà phê bột, trên bao bì, nhãn hiệu có ghi: Cà phê xuất xứ Việt Nam Phạm Phong Phú, thành phần: Cà phê (50%), đậu nành, bắp muối, bơ, hương cà phê; khối lượng tịnh 500g/gói; ngày sản xuất: 03/4/2024; hạn sử dụng: 03/10/2024; được sản xuất tại cơ sở Phong Phú, địa chỉ: Số 5376 tổ 01, ấp Hà Bao 1, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Trên nhãn hàng hóa còn thể hiện thêm thông tin khác như: Thành phần: Robusta, Arabica, Moka, Bơ, hương liệu tổng hợp; chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm $\leq 5\%$, Hàm lượng caffeine $\geq 1\%$, chất tan trong nước $\geq 25\%$ (sau đây viết tắt là Mẫu CF05).

Qua làm việc, Đ thừa nhận số Mẫu CF05 trên xe tải 51C-230.46 và CF04 tại cơ sở sản xuất của Đ là cùng một loại, do Đ trực tiếp sản xuất vào sáng ngày 04/4/2024, sau đó mang đến thị trấn Long Bình để giao bán, Tổ Liên ngành 389 tỉnh nghi vấn số lượng cà phê bột phát hiện tại cơ sở sản xuất và trên xe ô tô tải vi phạm về nhãn hàng hoá và chất lượng nên tiến hành niêm phong tang vật để 3 thử nghiệm, xử lý theo quy định. Trong số 1.900 gói cà phê phát hiện trên xe tải, lực lượng chức năng đã lấy ngẫu nhiên 06 gói để niêm phong, gửi thử nghiệm.

Qua kiểm tra, nghi vấn tất cả các hàng hoá trên không đúng quy định về nhãn hàng hoá và Đ không xuất trình được hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu đầu vào, hồ sơ công bố sản phẩm của cà phê đối với mẫu CF02, CF03 trên nên Tổ Liên ngành 389 tỉnh đã lập biên bản vi phạm hành chính, thu giữ vật chứng.

Quá trình xác minh, ngày 11/4/2024, Đội quản lý thị trường số 1 gửi mẫu cà phê (ký hiệu TP1-24) đã thu giữ cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, Bộ Khoa học và Công nghệ thử nghiệm. Ngày 19/4/2024 Trung tâm trả lời

kết quả thử nghiệm: Hàm lượng cafein g/100g: không phát hiện; hàm lượng tro tổng g/100g: 3,94

Kết quả định giá tang vật vi phạm hành chính đối với 1.900 gói cà phê trên xe ô tô tải 51C-23046 có giá trị: 81.700.000 đồng (biên bản xác định giá trị tang vật, tang vật vi phạm hành chính số 50010008 ngày 25/4/2024 của Hội đồng định giá Đội quản lý thị trường số 1 – Cục Quản lý thị trường tỉnh An Giang).

Xác định vụ việc trên có dấu hiệu sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm nên ngày 07/5/2024, Đội quản lý thị trường số 1 – Cục quản lý thị trường tỉnh An Giang ra Quyết định chuyển vụ việc hành chính có dấu hiệu tội phạm hình sự và chuyển hồ sơ vụ việc, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình xác minh, ngày 16/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú gửi mẫu cà phê bột (ký hiệu mã số NS1 2010933; NS2A 058817; NS2A 058819; NS2A 058820) đã thu giữ cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, Bộ Khoa học và Công nghệ thử nghiệm. Ngày 07/02/2025 Trung tâm trả lời kết quả thử nghiệm:

Mẫu gửi thử nghiệm ký hiệu NS1 2010933: Hàm lượng cafein tính theo khối lượng %: 1,05; hàm lượng tro tổng tính theo khối lượng: 4,90.

Mẫu gửi thử nghiệm ký hiệu NS2A 058817: Hàm lượng cafein tính theo khối lượng %: 0,81; hàm lượng tro tổng tính theo khối lượng: 4,69.

Mẫu gửi thử nghiệm ký hiệu NS2A 058819: Hàm lượng cafein tính theo khối lượng %: không phát hiện; hàm lượng tro tổng tính theo khối lượng: 3,92.

Mẫu gửi thử nghiệm ký hiệu NS2A 058820: Hàm lượng cafein tính theo khối lượng: 0,72; hàm lượng tro tổng tính theo khối lượng: 4,91.

Kết luận giám định số 1661 ngày 14/12/2024 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định:

Mẫu M1 được niêm phong gửi đến giám định có hàm lượng cafein 1,05g/100g; Mẫu M2 được niêm phong gửi đến giám định có hàm lượng cafein 0,71 g/100g; Mẫu M3 được niêm phong gửi đến giám định có hàm lượng cafein 0,82g/100g; Mẫu M4 được niêm phong gửi đến giám định có hàm lượng cafein 0,72g/100g; Mẫu M5 được niêm phong gửi đến giám định có hàm lượng cafein 2,97 x 103 g/100g.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 50 ngày 19/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Phú, xác định: 958 kg cà phê (tương đương 1.916 gói cà phê) xuất xứ Việt Nam Phạm Phong Phú, thành phần: Cà phê (50%), đậu nành, bắp muối, bơ, hương cà phê; khối lượng tịnh 500g/gói; ngày sản xuất: 03/4/2024; hạn sử dụng: 03/10/2024; được sản xuất tại cơ sở Phong Phú, địa chỉ: Số 5376 tổ 01, ấp Hà Bao 1, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, trị giá 82.388.000 đồng.

Ngày 14/11/2024, Phạm Thanh Đ bị khởi tố điều tra.

Quá trình điều tra, xác định: Tháng 14/3/2018, Phạm Thanh Đ đăng ký hộ kinh doanh ngành nghề chế biến cà phê, mua bán cà phê và được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện An Phú cấp phép (đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 18/10/2021). Trong quá trình sản xuất, buôn bán cà phê Đ có đăng ký 04 Hồ sơ tự công bố sản phẩm. Nhà ở của bị can cũng là cơ sở sản xuất, buôn bán cà phê, tại khu vực sản xuất cà phê của Đ có bố trí cân, thao inox, gào xúc, máy trộn, máy xay.

Ngày 02/4/2024, có một người đàn ông lạ, kết bạn qua zalo với Đ, Đ đồng ý chấp nhận kết bạn và người này gọi điện thoại cho Đ qua ứng dụng zalo, đặt mua của Đ 1.000 kg cà phê bột, loại 500g/gói, do cơ sở của Đ sản xuất và yêu cầu Đ để ít nguyên liệu hạt cà phê lại để giảm giá sản phẩm và vì cà phê này được mang sang Campuchia bán nên sẽ không ảnh hưởng đến Đ. Sau nhiều lần mặc cả giá tiền Đ đã đồng ý bán cho người này với giá 65.000 đồng/kg (khuyến mãi 10kg tặng 01kg) và hẹn ngày 04/4/2024 giao nhận cà phê – tiền tại chợ rau thuộc thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau khi thỏa thuận, mua bán xong thì ngày 02/4/2025, Đ đến tiệm của Nguyễn Trần Ngọc Thúy (địa chỉ thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang) để mua nguyên liệu sản xuất cà phê gồm: 200 kg bắp rang; 800 kg đậu nành; 10 kg cà phê hạt.

Sau đó, Đ mang số nguyên liệu này về cơ sở sản xuất cà phê của Đ tại khóm Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang rồi ướp thêm hương vị cà phê và bơ, muối để chuẩn bị cho việc sản xuất cà phê; biết việc sản xuất, buôn bán cà phê bột theo đúng quy chuẩn tự công bố không có lợi nhuận cao, nhưng do ham lợi nhuận cao và theo yêu cầu của người mua nên Đ đã không để hạt cà phê vào trong quá trình sản xuất (quy trình để hạt cà phê vào do Đ tự thực hiện). Đến sáng ngày 04/4/2024, Đ có nhờ Phạm Thanh Bình (cha ruột của Đ); Phạm Thanh Đăng (anh ruột của Đ); Nguyễn Thị Thu Tiên (vợ của Đ), Trần Thị Bé Tý (chị dâu của Đ) Nguyễn Thị Kim Phấn (thím họ của Đ) tất cả cùng ngụ khóm Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang phụ giúp đem số nguyên liệu này đi xay và đóng gói). Kết quả Đ sản xuất được 1.916 gói cà phê, 500g/gói, tương đương 958kg. Đ để 1.900 gói cà phê lên xe ô tô tải biển số 51C-23046 để đi giao cho người mua như đã hẹn, khi điều khiển xe đến khu vực ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang thì bị lực lượng Liên ngành 389 tỉnh dừng phương tiện lại kiểm tra, phát hiện như nội dung vụ án.

Mẫu CF04 còn dư lại và Mẫu CF05 là một, cùng sản xuất vào buổi sáng ngày 04/4/2024, Đ biết khi không để cà phê hạt pha trộn cà phê, sẽ dẫn đến cà phê không đạt chất lượng, không đúng với các hồ sơ tự công bố sản phẩm của Đ và đối với Mẫu CF01, Mẫu CF02, Mẫu CF03 là những sản phẩm cà phê Đ sản xuất vào thời gian trước đó, đúng quy trình hồ sơ tự công bố.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKSCP.HS ngày 12/6/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã truy tố Phạm Thanh Đ về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” theo khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thanh Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh Đ 1 năm 6 tháng đến 2 năm 6 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước: 02 cối xay cà phê, 05 cái gáo múc cà phê, 01 máy ép (đóng) gói, 01 máy trộn nguyên liệu sản xuất cà phê do đây là phương tiện, dụng cụ phạm tội.

Xe ô tô tải biển số 51C-230.46 là phương tiện phạm tội, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan cảnh sát điều tra không tạm giữ phương tiện là vi phạm, bị cáo đã tự ý đem bán với số tiền 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử cần tuyên buộc bị cáo giao nộp số tiền 50.000.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 1.903 gói cà phê, khối lượng 500gram/gói, mặt trước bao bì ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú “BUÔN MÊ THUẬT”, NSX 03/04/2024; HSD 03/10/2024 (đã trừ 13 gói phục vụ thử nghiệm, giám định).

Đề nghị chuyển cho Chi cục Quản lý thị trường tỉnh An Giang xử lý theo quy định đối với cà phê được giám định không phải là cà phê giả: 27 gói cà phê, khối lượng 500gram/gói, mặt trước bao bì có ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú “Coffeen Thượng Hạng MỘC” NSX 31/03/2024; HSD 31/9/2024 và 30 gói cà phê, khối lượng 500gam/gói, mặt trước bao bì có ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú “Coffeen Thượng Hạng MỘC”. NSX 24/03/2024; HSD 24/9/2024 (đã trừ 04 gói phục vụ công tác thử nghiệm, giám định). 08 gói cà phê, khối lượng 500gram/gói, mặt trước bao bì có ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú, NSX 17/03/2024; HSD 17/9/2024 và 14 gói cà phê, khối lượng 500gam/gói, mặt trước bao bì có ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú, NSX 31/03/2024; HSD 31/9/2024 (đã trừ 04 gói phục vụ công tác thử nghiệm, giám định).

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận:

Ngày 04/4/2024, Phạm Thanh Đ đã thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm, cụ thể là 1.916 gói cà phê bột, trị giá 82.388.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách quản lý thị trường của Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, muốn có lợi nhuận cao nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm bất chấp sự trừng trị của pháp luật và ảnh hưởng sức khỏe người tiêu dùng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử lý thật nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

Hành vi sản xuất buôn bán hàng giả đang được Nhà nước ta ra sức truy quét để làm trong sạch thị trường hàng hoá là thực phẩm. Việc làm cà phê mà không để cà phê của bị cáo là hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người tiêu dùng và xâm phạm đến thị trường hàng hoá cà phê của Việt Nam. Việt Nam ta là nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu cà phê nên việc làm này của bị cáo là nguy cơ lớn phá vỡ danh tiếng và uy tín của đất nước trên thị trường Quốc tế, do đó, phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Từ những phân tích trên cho thấy Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[3] Xét về nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp, phạm tội lần đầu. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 193 của Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Viện kiểm sát đề nghị phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng gặp nhiều khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[5] Kiến nghị: Xe ô tô tải biển số 51C-230.46 là phương tiện phạm tội của bị cáo mua, Cơ quan quản lý thị trường, Tổ liên ngành 389, Cơ quan cảnh sát điều tra không tạm giữ phương tiện là vi phạm, và đã trả lại cho bị cáo, trong thời gian trả lại bị cáo đã tự ý đem bán với số tiền 50.000.000 đồng, đáng lẽ Hội đồng xét xử phải trả lại hồ sơ để làm rõ, tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo xác nhận đã bán và lấy số tiền 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử cần tuyên buộc bị cáo giao nộp số tiền 50.000.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với: Phạm Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Phấn, Phạm Thanh Đăng, Nguyễn Thị Thu Tiên, Trần Thị Bé Tý giúp Phạm Thanh Đ sản xuất, buôn bán cà phê bột, không biết việc khi sản xuất cà phê vào ngày 04/4/2024 Phạm Thanh Đ không để hạt cà phê vào sản xuất nên Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh An Giang không xem xét xử lý đối với những người này, với vai trò đồng phạm về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” là có căn cứ. Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo cũng thừa nhận quy trình để pha trộn cà phê là khâu riêng, bị cáo tự làm và để vào máy xay, sau đó hệ thống sẽ chuyển xuống khâu đóng gói phía dưới nhà cho cha, anh, vợ, mẹ của bị cáo đóng gói, những người thân trong gia đình cũng không hề biết việc làm này của bị cáo trong ngày 04/04/2024. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ khởi tố bị cáo mà không khởi tố những người thân trong gia đình bị cáo là hợp tình và hợp lý.

Đối với hành vi sản xuất, buôn bán các mẫu CF01; CF02; CF03 Cơ quan CSĐT chuyển hồ sơ và tang vật đến Tổ Liên ngành 389 tỉnh (Đội QLTT số 1 Cục QLTT tỉnh An Giang) xem xét xử lý hành chính về các hành vi sản xuất hàng hoá kém chất lượng, nhãn mác và quy định về hồ sơ công bố sản phẩm.

[6] Về vật chứng: Chấp nhận theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh Đ phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”.

Căn cứ khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh Đ **3(ba) năm 6(sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước: 02 cối xay cà phê, 05 cái gáo múc cà phê, 01 máy ép (đóng) gói, 01 máy trộn nguyên liệu sản xuất cà phê.

Tịch thu tiêu hủy: 19 bao tải màu vàng(ghi số thứ tự từ 01 đến 19), đóng kín lại bên ngoài có chữ ký và ghi tên Bùi Trung Hiếu, Phạm Ngọc Lam, Phạm Thanh Đ và dấu tròn màu đỏ của Công an thị trấn An Phú (cũ).

Buộc bị cáo giao nộp số tiền 50.000.000(năm mươi triệu) đồng xung vào công quỹ nhà nước.

Chuyển cho Chi cục Quản lý thị trường tỉnh An Giang xử lý theo quy định đối: 27 gói cà phê, khối lượng 500gram/gói, mặt trước bao bì có ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú “Coffeen Thượng Hạng MỘC” NSX 31/03/2024; HSD 31/9/2024 và 30 gói cà phê, khối lượng 500gam/gói, mặt trước bao bì có ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú "Coffeen Thượng Hạng MỘC”. NSX 24/03/2024; HSD 24/9/2024 (đã trừ 04 gói phục vụ công tác thử nghiệm, giám định). 08 gói cà phê, khối lượng 500gram/gói, mặt trước bao bì có ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú, NSX 17/03/2024; HSD 17/9/2024 và 14 gói cà phê, khối lượng 500gam/gói, mặt trước bao bì có ghi nhãn: Cà phê xuất xứ Việt Nam, sản xuất tại cơ sở Phạm Phong Phú, NSX 31/03/2024; HSD 31/9/2024 (đã trừ 04 gói phục vụ công tác thử nghiệm, giám định). Theo biên bản giao nhận vật chứng là 01 bao tải màu vàng, đóng kín lại bên ngoài có chữ ký và ghi tên Bùi Trung Hiếu, Phạm Ngọc Lam, Phạm Thanh Đ và dấu tròn màu đỏ của Công an thị trấn An Phú (cũ)

(Đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/7/2025(do thời điểm chuyển giao của Cơ quan Thi hành án cũ) giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang và Phòng thi hành án dân sự khu vực 15-An Giang).

Căn cứ Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thanh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2025), bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (01);
- VKSND huyện An Phú (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi